TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HOÀ B
TỈNH HOÀ B

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2020/DS-ST
Ngày: 30/12/2020.
V/v Kiện tranh chấp Hợp đồng vay tài sản;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ B
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Thẩm phán Trần Hữu Ngà.
Các hội thẩm nhân dân: Phạm Thị Nga, Phạm Quốc Trung;
Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bùi Thái B – Thư ký TAND thành phố Hòa B;
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hòa – Kiểm sát viên;

Mở phiên toà công khai tại trụ sở Toà án thành phố Hòa B các ngày 30/12/2020, xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 14/2020/TLST-DS ngày 23/4/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2020/QĐXXST-DS ngày 11/9/2020, giữa các đương sự sau:

1/ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị GI, sinh năm 1984;
Địa chỉ: tổ 6, phường D, thành phố Hòa B, tỉnh Hòa B;
Vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xử vắng mặt.

2/ Bị đơn: Chị Bùi Thị Thùy D, sinh năm 1985 và chồng là anh Bùi Thanh B;
Địa chỉ: tổ 6, phường D, thành phố Hòa B, tỉnh Hòa B
Vắng mặt dù đã được triệu tập phiên tòa hợp pháp nhiều lần.

NỘI D VỤ ÁN:

{1}Theo đơn khởi kiện và quá trình cung cấp chứng cứ, nguyên đơn cho rằng:

Ngày 24/12/2012, chị Nguyễn Thị GI cho vợ chồng chị Bùi Thị Thùy D, anh Bùi Thanh B vay 223.600.000 đồng. Chị D tự tay viết giấy vay nợ và cùng với chồng ký vào giấy đó làm bằng chứng. các bên thỏa thuận thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất bằng với lãi suất tiền vay tại ngân hàng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay không trả được nợ, đã nhiều lần xin gia hạn và được bên cho vay chấp nhận. Về nợ lãi, chị GI xác nhận vợ chồng chị D đã trả được 48.000.000 đồng tiền lãi. Đến ngày 24/6/2019, vợ chồng chị D trả thêm được 23.600.000 đồng, chị GI đã tự nguyện trừ số tiền trên vào nợ gốc, nên số dư nợ gốc còn lại 200.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 20/3/2020. Tuy nhiên, khi đến hạn vợ chồng chị D không trả nợ, nên chị GI khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị Bùi Thị Thùy D, anh Bùi Thanh B phải trả cho chị GI 200.000.000 đồng nợ gốc và nợ lãi phát sinh theo thỏa thuận.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị GI tự nguyện chỉ đòi nợ gốc và cho vợ chồng chị D, anh B toàn bộ số lãi chưa trả, không yêu cầu Tòa án xem xét lại.

{2} Quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị Thùy D xác nhận có được vay tiền của chị GI và thời điểm vay là năm 2016; khi vay chính chị D đã viết giấy vay nợ giao chị chị GI giữ. Theo chị D, khi viết giấy, chị D đã ghi nhầm thời điểm vay là năm 2012 và số vay gốc thực tế là 150.000.000 đồng chứ không phải 223.600.000 đồng như chị viết trong giấy. Chị D còn cho rằng, các bên thỏa thuận lãi suất 6%/tháng và vợ chồng chị đã trả lãi đến tháng 3 năm 2020 thì không trả được nữa; Tuy nhiên do chủ quan, nên khi trả lãi chị D không lưu lại giấy tờ, tài liệu gì làm bằng chứng. Do vậy không chấp nhận số nợ gốc là 200.000.000 đồng như nguyên đơn kê khai.

{3} Quá trình giải quyết vụ án, anh Bùi Thanh B không đến Tòa án làm việc và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

{4}Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ nội D khởi kiện và yêu cầu nêu trên của nguyên đơn; Buộc các bị đơn phải trả cho chị GI 200.000.000 đồng và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định chung của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

{5}Về tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa tống đạt giấy triệu tập phiên tòa hợp pháp nhiều lần nhưng vắng mặt. Căn cứ các điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tòa xét xử vắng mặt những người này.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đương sự suất trình và Tòa án thu thập được, thấy rằng:

{6} Chị Nguyễn Thị GI cho rằng ngày 24/12/2012, chị Bùi Thị Thùy D và chồng là anh Bùi Thanh B vay của chị 223.600.000 đồng và đã tự tay viết giấy vay nợ, vợ chồng cùng ký vào giấy đó giao cho chị GI giữ. Ngày 24/6/2019, đã trả 23.600.000 đồng (Chị GI tự nguyện trừ vào nợ gốc, nên dư nợ gốc còn lại 200.000.000 đồng. Để chứng minh cho quan điểm trên, chị GI đã giao nộp cho Tòa án "Giấy vay nợ" viết tay có chữ viết, chữ ký ghi tên Bùi Thị Thùy D, Bùi Thanh B chứa đựng các nội D nêu trên.

Bản thân bị đơn Bùi Thị Thùy D cũng xác nhận có vay tiền của chị GI và có viết giấy vay nợ giao cho chị GI giữ như chị GI khai, nhưng cho rằng số nợ gốc là 150.000.000 đồng. Tuy nhiên, trên giấy vay nợ, chị D lại ghi vay của chị GI 223.600.000 đồng; Chị D khẳng định bản thân không có tài liệu, giấy tờ nào để chứng minh cho quan điểm của mình.

Như vậy, cần chấp nhận quan điểm của nguyên đơn Nguyễn Thị GI.

{7} Chị GI cho rằng các bên thỏa thuận lãi suất bằng với lãi suất tiền vay tại ngân hàng; Thừa nhận trong quá trình thực hiện hợp đồng chị D đã trả được 48.000.000 đồng tiền lãi. Trong khi đó, Bị Đơn Bùi Thị Thùy D cho rằng các bên thỏa thuận lãi suất là 6%/tháng và chị đã trả lãi đến tháng 3 năm 2020 nhưng không nhớ đã trả cho chị GI bao nhiêu tiền lãi và cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để giao nộp cho Tòa án. Như vậy có căn cứ để chấp nhận quan điểm của nguyên đơn Nguyễn Thị GI.

{8} Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị GI chỉ yêu cầu vợ chồng chị D trả 200.000.000 đồng nợ gốc và tự nguyện cho các bị đơn tiền lãi còn thiếu. Sự tự nguyện phù hợp pháp luật, cần chấp nhận.

{9} Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 471, 473, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, Tuyên xử như sau:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

2/ Buộc chị Bùi Thị Thùy D, anh Bùi Thanh B phải trả cho chị Nguyễn Thị GI 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Nếu không trả nợ như đã tuyên ở trên thì kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và Người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp thì người phải thi hành án phải chịu tiền lãi, do chậm thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Chị Bùi Thị Thùy D, anh Bùi Thanh B phải chịu 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

- Chị Nguyễn Thị GI được trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp (1.000.000 đồng), theo biên lai thu tiền số 0006722 ngày 21/4/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Hòa B.

4/ Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận kết quả xét xử.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Hòa B;*
- *VKSND thành phố Hòa B;*
- *Chi cục THADS thành phố Hòa B;*
- *UBND phường, xã nơi ĐS cư trú;*
- *UBND phường, xã nơi có TS tranh chấp;*
- *Đương sự;*
- *Lưu HS + VT + LT.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Chủ Tọa phiên tòa